

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: **21/2018/HNGĐ-ST**

Ngày 28 – 11 -2018

“V/v Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Quý
2. Ông Nguyễn Văn Ngân

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Thọ– Kiểm sát viên.

Ngày 28tháng11 năm 2018tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đìnhthụ lý số: 176/2018/TLST-HNGĐ ngày 06tháng 6năm 2018về “Ly hôn tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXX - ST ngày 26tháng 10năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Bàn Thị H, sinh năm: 1985 (có mặt)

Địa chỉ: thôn M, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: anh Phạm Văn S, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ:khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 30/5/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Bàn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh S sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyệnkết hôn, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/2012 tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã P. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được ba năm thì phát sinh mâu thuẫn.Nguyên nhân là do anh S thường xuyên ăn nhậu về gây gổ đánh đập chị H. Chị H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh S vẫn không thay đổi. Do mâu thuẫn nên

chị và anh S đã sống ly thân hơn 05 năm nay, ai cũng có cuộc sống riêng, không còn sự quan tâm, yêu thương đến nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh S có một người con chung tên Phạm Thị Mỹ N, sinh ngày 18/02/2011. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:*chị H trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai đề ngày 12/7/2018 bị đơn anh Phạm Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thừa nhận anh và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/2012 tại UBND phường S, thị xã P. Trong thời gian chung sống vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau nên thường xuyên cãi vã. Công việc của anh S đi bốc vác điều nên đôi khi cũng hay ăn nhậu nhưng mỗi lần đi nhậu về hai vợ chồng hay lời qua tiếng lại gây gỗ nhau. Khi chị H sinh cháu N được 01 tháng do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H đã bỏ về nhà mẹ ruột vài ngày, sau đó hai vợ chồng quay về sống hạnh phúc với nhau đến năm 2015 thì anh và chị H sống ly thân cho đến nay, không ai còn quan tâm đến ai. Tuy nhiên, chị H yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì còn yêu thương vợ con, muốn cháu N được sống trong gia đình có đủ ba lẫn mẹ, mong chị H cho anh S một cơ hội để về đoàn tụ xây dựng gia đình.

Về con chung: Anh thống nhất trong thời gian chung sống, chị H và anh S có một người con chung tên Phạm Mỹ N, sinh ngày 18/02/2018. Nếu ly hôn, anh đồng ý chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và anh S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: anh S thống nhất anh và chị H trong thời gian chung sống không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

-Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 53, 56, 57; 81, 82 và 83 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàng Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh S và yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Trong vụ án, bị đơn có nơi cư trú tại khu phố B, phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn anh Phạm Văn S để tham gia phiên tòa nhưng anh S vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị H và anh Skết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 11/9/2012 tại Ủy ban nhân dân phường S, thị xã P, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01. Do vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị H và anh S đều thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H và anh S bất đồng về quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị H và S đã sống ly thân hơn 05 năm nay không ai còn quan tâm đến ai. Qua xác minh tại địa phương thì được biết anh S thường xuyên ăn nhậu về gây gổ với chị H nên hai vợ chồng hay cãi vã, hiện chị H và anh S đã sống ly thân như phía nguyên đơn và bị đơn trình bày.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng còn yêu thương vợ con, mong muốn chị H cho anh S một cơ hội để về đoàn tụ. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian 05 năm sống ly thân cho đến nay tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị H vẫn không thay đổi; anh S không có thái độ hòa giải, hàn gắn tình cảm với chị H, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ anh S nhiều lần để lên làm việc, hòa giải về mối quan hệ hôn nhân nhưng anh S từ chối nhận văn bản, không đồng ý lên Tòa án để hòa giải với chị H. Điều này chứng tỏ anh S đã bỏ mặc, không mong muốn về đoàn tụ xây dựng gia đình hạnh phúc với chị H. Từ những điều trên, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh S đã lâm vào trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể kéo dài. Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 cho H được ly hôn với anh S.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh S có một người con chung tên Phạm Thị Mỹ N, sinh ngày 18/01/2011. Từ khi sống ly thân cháu N do chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S đồng ý giao con chung cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu N là

muốn với mẹ. Do vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi..

Về cấp dưỡng nuôi con: do chị H không yêu cầu anh S cấp dưỡng và anh S cũng đồng ý không cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị H và anh S trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS 2015 và khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án nguyên đơn phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 53; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Bàn Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn S.

- Về con chung: chị Bàn Thị H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phạm Thị Mỹ N, sinh ngày 18/02/2011 cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh S không cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh S không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: chị Bàn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thu số 0005991 ngày 06/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

“Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- THA DS TX P.Long
- Các Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Nghĩa